

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 18-4-2025
V/v “Tranh chấp về chậm thực
hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp
đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Xuân Dũng;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 117/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đình T, sinh năm 1963; Địa chỉ: xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Gia N, sinh năm 1995, Địa chỉ: xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Đình T trình bày: ông là chủ đại lý mua bán thức ăn gia súc. Tháng 12/2021 âm lịch, anh Hồ Gia N bắt đầu mua cám từ đại lý của ông. Ông cho anh N nợ tiền cám đến khi anh N bán vịt sẽ thanh toán, giá cám tính theo giá thị trường (330.000đ/bao), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Ông đã giao cám cho anh Hồ Gia N tổng cộng 04 lần, ông tự theo dõi sổ, 03 lần đầu anh N có ký xác nhận số lượng cám, 01 lần cuối anh N không ký xác nhận, cụ thể:

- Lần 1: ngày 27/12/2021 âm lịch giao 14 bao cám;
- Lần 2: ngày 06/01/2022 âm lịch giao 22 bao cám;

- Lần 3: ngày 15/01/2022 âm lịch giao 25 bao cám;
- Lần 4: ngày 19/01/2022 âm lịch giao 20 bao cám.

Ngày 29/01/2022 âm lịch, hai bên chốt số tiền cám anh N đã mua là 26.730.000 đồng. Anh N trả 10.000.000 đồng, còn nợ 16.730.000đ.

Sau đó, anh N bán bầy vịt nhưng không trả nợ nên ngày 03/02/2022 âm lịch ông đến nhà anh N lấy lại 05 bao cám. Ông tính trừ số tiền 05 bao cám này là 1.650.000 đồng và cộng số tiền nợ cũ 1.510.000 đồng, tổng số tiền anh N còn nợ ông là 16.590.000 đồng. Do anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên hằng tháng ông tính cộng tiền lãi vào số tiền nợ. Ông xác định số tiền nợ 38.090.000 đồng mà ông yêu cầu Tòa án buộc anh Hồ Gia N trả theo đơn khởi kiện là tổng cộng số tiền nợ 16.590.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2022 âm lịch cho đến tháng 09/2024 âm lịch, với mức lãi suất 3%/tháng.

Nay ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh Hồ Gia N trả số tiền nợ 16.590.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2022 âm lịch cho đến khi Tòa giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Hồ Gia N trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Hồ Gia N không đến Tòa án, không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T. Buộc anh Hồ Gia N có trách nhiệm trả cho ông T số tiền mua cám còn nợ 10.130.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 03/02/2022 âm lịch đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Án phí anh Hồ Gia N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Đình T khởi kiện tranh chấp về chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng mua bán với anh Hồ Gia N có địa chỉ tại xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Bị đơn anh Hồ Gia N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Anh Hồ Gia N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, ông Phạm Đình T yêu cầu anh Hồ Gia N có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua cám còn nợ là 38.090.000đ và tiền lãi. Ngày 12/3/2025, ông Phạm Đình T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 21.500.000đ, chỉ yêu cầu anh Hồ Gia N trả số tiền mua cám 16.590.000đồng và tiền lãi. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện.

[5] Chứng cứ ông Phạm Đình T cung cấp cho Tòa là 02 tờ giấy vở học sinh ghi theo dõi việc mua bán cám giữa bên bán là ông Phạm Đình T và bên mua là anh Hồ Gia N, có số điện thoại và chữ kí “Nghĩa” xác nhận.

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Hồ Gia N phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Gia N đã biết việc ông Phạm Đình T khởi kiện nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 95, khoản 1 Điều 96 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chứng cứ mà ông T đã giao nộp là hợp lệ, có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T, buộc bị đơn anh Hồ Gia N trả cho ông Phạm Đình T số tiền nợ là 16.590.000đồng.

[7] Theo quy định tại khoản 3 Điều 440, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, anh Hồ Gia N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ông T yêu cầu anh N phải trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận. Do các bên không thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm. Từ ngày 03/02/2022 âm lịch (tức ngày 05/3/2022 dương lịch) đến ngày xét xử (ngày 18/4/2025) là 1140 ngày. Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh N phải thanh toán cho ông Tân tính đến ngày xét xử là 21.771.534đồng.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Hồ Gia N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Mức án phí được tính: 5% x 21.771.534đồng 1.088.576 đồng.

[9] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị chỉ chấp nhận buộc anh N trả cho ông T số tiền mua cám 10.130.000đ theo 03 lần giao cám có chữ kí xác nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần bởi lẽ mặc dù lần giao cám thứ 4 anh N không ký xác nhận, nhưng sau khi chốt số nợ anh N đã thanh toán số tiền 10.000.000đ mà không đối chiếu khoản nợ với nguyên đơn, không đến Tòa cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 353, Điều 357, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T về việc yêu cầu anh Hồ Gia N trả số tiền 21.500.000đ (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T. Buộc anh Hồ Gia N có trách nhiệm trả cho ông Phạm Đình T số tiền 21.771.534đồng (hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó số tiền nợ là 16.590.000đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 5.181.534đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Buộc anh Hồ Gia N phải chịu 1.088.576đồng (một triệu không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho ông Phạm Đình T 952.000đ (chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005651 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Đình T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Gia N vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;

- VKSND thị xã An Nhơn;
- CC THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng TTKT và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hiệp

Hồ Xuân Dũng

Nguyễn Thị Ái Phụng

[4] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, giấy theo dõi việc mua bán có chữ ký của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mua bán giữa hai bên là có thật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh: Bị đơn đã nhận tổng cộng 81 bao cám qua 4 lần giao hàng (có 3 lần có biên nhận ký xác nhận). Hai bên đã cùng xác nhận số nợ ban đầu là 26.730.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán 10.000.000 đồng và bị trừ 1.650.000 đồng tiền cám hoàn trả. Số nợ còn lại là 15.080.000 đồng là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chứng cứ mà ông T đã giao nộp là hợp lệ, có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.